

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm mai thụ lý số: 146/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 2 L, phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V1, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N, chi nhánh B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng N; địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1968; cư trú: Thôn 3, xã Đăk O, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất bị đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn C1 có nợ của Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 1.491.114.288 (Một

tỷ bốn trăm chín mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng; trong đó: tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 239.029.781 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 302.084.507 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán: Đến thời hạn cuối cùng vào ngày 16 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 1.491.114.288 (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng; trong đó: tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 239.029.781 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 302.084.507 đồng.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ, bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ. Ngân hàng N có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 192994/HĐTC-QSĐĐ ngày 17 ngày 07 tháng 2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 192994/HĐTC ngày 12 tháng 04 năm 2019 và tài sản trên đất để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng N, gồm:

- Quyền sử dụng đất số: AM 093066 do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 14 tháng 08 năm 2008 cấp cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn C1; diện tích: 12461.7 m²; tờ bản đồ số: 34; thửa đất số: 33. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Quyền sử dụng đất số: AM 093417 do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 27 tháng 06 năm 2008 cấp cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn C1; diện tích: 488.5 m²; tờ bản đồ số: 34; thửa đất số: 180. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Quyền sử dụng đất số: CB 044228 do UBND huyện B cấp ngày 11/05/2016 cấp cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn C1; diện tích: 1835.3 m²; tờ bản đồ số: 34; thửa đất số: 265. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, số tiền thu được vượt quá nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì phần dư được trả lại cho bà Phạm thị H, ông Trần Văn C1. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà H, ông C1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

2.3. Chi phí tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1 phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng nên bà H và ông C1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N số tiền này.

2.4. Án phí dân sự có giá ngạch là 28.366.714 đồng các đương sự thống nhất thỏa thuận bị đơn bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C1

phải chịu.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 18.572.000 đồng theo biên lai thu số 0006711 ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

2.5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 16 tháng 5 năm 2024) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công